

**TÒA ÁN NHA DÂN SỰ  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222 /2017/DS-PT  
Ngày: 29/11/2017  
V/v Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHA DÂN SỰ NH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHA DÂN SỰ TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng VA.*

*Các thẩm phán:*

1. Ông Lâm Văn Be
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hồng Thảo Nguyễn, Thư ký Tòa án nhA dân sự tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:***  
Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân sự tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/ 2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhA dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2017/QĐXX-PT ngày 24 tháng 10 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 18/2, hẻm B, đường C, khu phố D, phường E, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 20/2, hẻm B, đường C, khu phố D, phường E, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Quang T, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 20/2, hẻm B, đường C, khu phố D, phường E, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Quang T:* Bà Trương Thị Kim P là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 12-5-2017).

*Người kháng cáo:* Bà Trương Thị Kim P – bị đơn.

*Bà A, bà P có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:* Bà và bà P là hàng xóm với nhau, hai bên nhiều lần cho vay tiền bắt đầu từ năm 2013, mục đích là để làm ăn và đáo hạn trả nợ Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/1 tháng. Đến ngày

01-5-2015 bà và bà P tổng kết nợ, bà P còn nợ bà số tiền 1.380.000.000 đồng có làm giấy. Ngày 21 – 9 – 2015 bà P trả cho bà số tiền 180.000.000 đồng, còn nợ lại 1.200.000.000 đồng. Việc vay mượn, ông T chồng bà P vẫn biết nhưng khi tổng kết nợ số tiền 1.380.000.000 đồng thì bà không nói cho ông T. Do bà P vay tiền làm ăn để phục vụ cho gia đình, bà P và ông T vẫn còn là vợ chồng ở chung nhà. Nên bà yêu cầu bà P và ông T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.200.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật ngày 01 – 5 – 2015 đến nay.

*Bị đơn - Bà Trương Thị Kim P trình bày:* Bà thừa nhận giữa bà và bà A có giao dịch vay tiền với nhau đến nay khoảng 10 năm, bà đã nhiều lần vay mượn tiền của bà A, nhưng vay rồi trả. Bà P thừa nhận giấy nợ ngày 01 – 5 – 2015 bà A cung cấp là do bà viết và ký tên nhưng bà cho rằng thực tế chỉ còn nợ bà A 1.100.000.000 đồng. Bởi lẽ khi chốt nợ 1.380.000.000 đồng, có 100.000.000 đồng là tiền lãi nhưng trong giấy nợ bà A không cho ghi, nên bà mới viết số tiền 100.000.000 đồng bên dưới số tiền 1.280.000.000 đồng. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận 1,5%/1 tháng, bà vay tiền để cho người khác vay lại. Ngày 21 – 9 – 2015, bà trả cho bà A được 180.000.000 đồng còn nợ 1.100.000.000 đồng nợ gốc. Việc vay mượn tiền, ông T không biết, không liên quan nên bà chịu trách nhiệm trả một mình. Bà P xác định chỉ còn nợ bà A số tiền 1.100.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này và yêu cầu tính lãi suất của bà A, riêng số tiền 100.000.000 đồng là tiền lãi nên không đồng ý trả.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Quang T ủy quyền cho bà P nhưng đã khai trong hồ sơ như sau:* Ông và bà P vẫn còn là vợ chồng hiện đang ở chung nhà, việc bà A và bà P giao dịch vay mượn tiền với nhau ông không biết, nay bà A khởi kiện bà P ông mới biết. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhA dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Buộc bà Trương Thị Kim P và ông Ngô Quang T trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi 245.400.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.445.400.000 (*một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/08/2017, bà Trương Thị Kim P có đơn kháng cáo cho rằng bà chỉ còn nợ bà A số tiền 1.100.000.000 đồng. Ông Ngô Quang T là chồng bà không đồng ý cùng trả nợ cho bà A.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý*

*kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 01/5/2015 giữa bà A và bà P có làm hợp đồng vay tài sản bà P vay của bà A số tiền 1.380.000.000 đồng (BL 54). Bà P trả cho bà A được 180.000.000 đồng (BL 23).

[2] Xét kháng cáo của bà P: Thấy rằng giấy nợ vay tiền giữa bà A với bà P thì bà P là người viết giấy, ký tên vào giấy nợ bà A số tiền 1.380.000.000 đồng (BL 15). Bà P cho rằng trong số tiền 1.380.000.000 đồng có 100.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên trong giấy nợ bà P không ghi là tiền lãi nên không có cơ sở cho rằng trong số tiền 1.380.000.000 đồng có 100.000.000 đồng là tiền lãi.

[3] Bà P cho rằng bà vay tiền bà A vào ngày 01/5/2015, chồng bà (ông T) không biết, thấy rằng tại bản tự khai ngày 06/5/2017 bà P khai bà vay tiền bà A từ năm 2013 đến ngày 01/5/2015 mới viết giấy tổng kết nợ lại số tiền 1.380.000.000 đồng (BL 15, BL 16). Hơn nữa, bà P cũng xác định, bà thường xuyên vay mượn tiền và bà A để làm ăn (mở cơ sở, cho người khác vay lại) đến nay khoảng 10 năm; những lần vay mượn tiền trước đây ông T đều biết (BL 39, 57). Bà P vay mượn tiền của bà A là để làm ăn bằng cách cho người khác vay lại nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình; số tiền mà bà P vay có giá trị lớn và bà P, ông T vẫn còn là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà P cho rằng chồng bà không biết việc vay tiền là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà P và ông T cùng có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất cho bà A là phù hợp.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc ông T bà P trả cho bà A số tiền 1.445.400.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì án phí ông T và bà P phải chịu 55.362.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm buộc ông T và bà P phải chịu 55.968.000 đồng là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại. Cụ thể án phí mà bà P, ông T phải chịu là 55.362.000 đồng.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Kim P, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà P và ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Kim P. Sửa bản án sơ thẩm số: 93/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về án phí.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bà Trương Thị Kim P về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”

Buộc bà Trương Thị Kim P và ông Ngô Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 1.445.400.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 245.400.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Kim P và ông Ngô Quang T phải chịu 55.362.000 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trương Thị Kim P và ông Ngô Quang T phải cùng chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp theo biên lai thu số 0004463 ngày 21/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà A số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004010 ngày 19 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sự thì người được thi hành án dân sự sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Hồng Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

